

# **Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 56

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	
	Thành viên	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên	
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	
Bà Ngô Thị Thanh Thủy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phân ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61113814-19357558/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 7 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.226.329.468.367</b>	<b>761.412.010.727</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>243.689.416.130</b>	<b>179.244.477.731</b>
111	1. Tiền		131.961.416.130	115.898.477.731
112	2. Các khoản tương đương tiền		111.728.000.000	63.346.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>632.933.822.406</b>	<b>232.764.902.081</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	162.971.138.255	32.590.272.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(22.550.185.849)	(8.800.240.477)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	492.512.870.000	208.974.870.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7</b>	<b>305.524.750.681</b>	<b>308.539.679.578</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		242.306.751.262	261.207.352.311
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		17.660.314.961	20.449.280.318
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		87.369.025.615	69.417.407.932
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(42.084.274.133)	(42.807.293.959)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		272.932.976	272.932.976
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>37.287.836.691</b>	<b>27.591.887.962</b>
141	1. Hàng tồn kho		38.047.109.278	28.351.160.549
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(759.272.587)	(759.272.587)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.893.642.459</b>	<b>13.271.063.375</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	5.074.841.788	3.873.901.025
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.184.129.040	9.397.162.350
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	634.671.631	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.182.181.827.503</b>	<b>1.528.168.689.231</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>4.087.207.370</b>	<b>3.714.707.370</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		1.528.500.000	2.139.900.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		2.558.707.370	1.574.807.370
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>600.819.247.850</b>	<b>535.329.491.910</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	503.374.395.237	428.820.586.008
222	Nguyên giá		1.190.103.642.052	1.074.463.878.125
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(686.729.246.815)	(645.643.292.117)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	97.444.852.613	106.508.905.902
228	Nguyên giá		122.894.370.059	122.784.367.659
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.449.517.446)	(16.275.461.757)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>44.490.294.521</b>	<b>112.195.168.171</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		44.490.294.521	112.195.168.171
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>417.788.081.042</b>	<b>754.057.117.586</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết	14.1	410.481.256.403	432.243.850.972
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	1.629.124.639	321.813.266.614
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.677.700.000	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>114.996.996.720</b>	<b>122.872.204.194</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	16.372.099.381	18.793.550.483
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	8.309.008.782	8.637.480.955
269	3. Lợi thế thương mại	4.2	90.315.888.557	95.441.172.756
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.408.511.295.870</b>	<b>2.289.580.699.958</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>845.555.318.885</b>	<b>1.054.810.624.835</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>407.763.699.723</b>	<b>371.940.264.423</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	110.264.694.385	107.693.156.978
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	11.308.067.362	9.925.124.639
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	12.062.930.161	16.231.483.035
314	4. Phải trả người lao động		11.374.288.099	27.391.681.325
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	10.738.709.897	5.320.747.952
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		36.109.438.364	36.050.598.364
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	183.776.485.023	145.856.624.303
320	8. Vay ngắn hạn	20	20.321.670.053	16.828.577.495
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		671.231.535	989.150.620
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.136.184.844	5.653.119.712
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>437.791.619.162</b>	<b>682.870.360.412</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	12.418.801.000	8.571.589.000
338	2. Vay dài hạn	20	404.452.937.876	651.639.155.835
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	15.734.672.286	16.926.427.127
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	21	5.185.208.000	5.733.188.450
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.562.955.976.985</b>	<b>1.234.770.075.123</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.562.955.976.985</b>	<b>1.234.770.075.123</b>
411	1. Vốn cổ phần	22.1	854.378.790.000	854.378.790.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		854.378.790.000	854.378.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	2.019.535.131	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	360.262.467.109	35.210.928.078
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		10.646.349.295	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		349.616.117.814	35.210.928.078
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	348.328.219.645	347.213.391.945
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.408.511.295.870</b>	<b>2.289.580.699.958</b>

Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập

Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng

Đặng Văn Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	705.900.089.712	473.628.074.035
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(84.651.533)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	705.815.438.179	473.628.074.035
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(564.399.980.127)	(377.400.455.776)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		141.415.458.052	96.227.618.259
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	594.133.576.145	28.384.827.600
22	7. Chi phí tài chính	26	(51.066.020.558)	(16.508.320.933)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(30.885.679.184)	(24.544.687.782)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên doanh và liên kết	14.1	(21.762.594.569)	1.713.644.433
25	9. Chi phí bán hàng	27	(37.832.489.688)	(32.672.417.844)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(49.116.032.498)	(28.055.704.899)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		575.771.896.884	49.089.646.616
31	12. Thu nhập khác	29	4.013.127.589	13.518.261.595
32	13. Chi phí khác	29	(289.672.398)	(304.543.609)
40	14. Lợi nhuận khác	29	3.723.455.191	13.213.717.986
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		579.495.352.075	62.303.364.602
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(113.450.401.392)	(9.185.191.874)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	863.282.668	2.285.655.532
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		466.908.233.351	55.403.828.260
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		349.616.117.814	37.957.582.375
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23	117.292.115.537	17.446.245.885
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.3	4.059	1.361
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.3	4.059	1.361

Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập

Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng



Ngày 7 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>579.495.352.075</b>	<b>62.303.364.602</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	4.2, 11, 12	60.328.638.953	7.355.667.613
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		13.201.964.922	(3.861.070.345)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.575.177.806	16.629.166
05	Lãi từ hoạt động đầu tư và nhận hỗ trợ di dời		(575.402.999.132)	(39.942.025.789)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu		32.726.557.854	25.440.243.336
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>111.924.692.478</b>	<b>51.312.808.583</b>
09	Giảm các khoản phải thu		27.398.803.841	9.513.171.205
10	Tăng hàng tồn kho		(9.695.948.729)	(44.007.907.606)
11	Tăng các khoản phải trả		52.863.548.359	70.835.253.559
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.220.510.339	(2.056.137.454)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(130.380.865.697)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(30.728.132.470)	(21.874.922.099)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(119.275.516.338)	(4.252.982.755)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.950.173.596)	(426.483.690)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(98.623.081.813)</b>	<b>59.042.799.743</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(53.250.568.996)	(19.240.166.367)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản và nhận hỗ trợ di dời		4.580.909.141	120.290.909.091
23	Tiền chi cho vay, tiền chi ủy thác đầu tư và gửi ngân hàng có kỳ hạn		(735.461.700.000)	(161.686.870.000)
24	Tiền thu hồi từ ủy thác đầu tư và gửi ngân hàng có kỳ hạn		446.246.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(35.200.000.000)	(634.587.024.920)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		845.880.000.000	39.940.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		32.923.350.531	24.709.964.769
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>505.717.990.676</b>	<b>(630.573.187.427)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	22.1	-	136.100.455.100
33	Tiền thu từ đi vay	20	72.442.576.081	588.797.926.804
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(319.529.179.049)	(325.184.894.762)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	22.4	(171.982.963)	(6.424.000)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	23	(95.371.156.500)	(16.651.277.664)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(342.629.742.431)</b>	<b>383.055.785.478</b>
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		64.465.166.432	(188.474.602.206)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		179.244.477.731	418.025.035.540
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(20.228.033)	(13.503.610)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>243.689.416.130</b>	<b>229.536.929.724</b>



Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập



Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết như sau:

#### **Công ty**

Công ty tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### **Công ty con**

##### *Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”)*

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của SII, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. SII có trụ sở đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

##### *Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“VTX”), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức*

Công ty sở hữu 82,65% vốn chủ sở hữu của VTX, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0400101901 do SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VTX là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. VTX có trụ sở đăng ký tại số 80-82, Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Công ty con (tiếp theo)**

*Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh (“Sotrans Hà Tĩnh”), trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tin*

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của Sotrans Hà Tĩnh, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3001806817 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sotrans Hà Tĩnh là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Sotrans Hà Tĩnh có trụ sở đăng ký tại Tổ dân phố Độ Gỗ, Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Sotrans Hà Tĩnh đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý để chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty TNHH một thành viên.

*Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”)*

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của Cảng Miền Nam, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Cảng Miền Nam có trụ sở đăng ký tại số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Sowatco”)*

Công ty nắm giữ 75,1% quyền biểu quyết gián tiếp tại Sowatco, một công ty cổ phần kiểm soát bởi SII được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103013615 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sowatco là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn. Sowatco có trụ sở đăng ký tại số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (“ECCO”)*

Công ty nắm giữ 86,15% quyền biểu quyết gián tiếp tại ECCO, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sowatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000067 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của ECCO là xây dựng các công trình dân dụng. ECCO có trụ sở đăng ký tại số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ (“Cần Thơ Shipyard”)*

Công ty nắm giữ 70% quyền biểu quyết gián tiếp tại Cần Thơ Shipyard, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sowatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5703000110 do SKHĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cần Thơ Shipyard là cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi. Cần Thơ Shipyard có trụ sở đăng ký tại số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Công ty con (tiếp theo)**

*Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam (“SOWATMES”)*

Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATMES, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sowatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001933 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATMES là xây dựng các công trình dân dụng. SOWATMES có trụ sở đăng ký tại số 59 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Công ty liên doanh và liên kết**

*Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (“The Pier”)*

Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của The Pier, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản. The Pier có trụ sở đăng ký tại Phòng 1606, Lầu 16, Tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”)*

Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của SORECO, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản. SORECO có trụ sở đăng ký tại tầng 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”)*

Công ty sở hữu 24,5% vốn chủ sở hữu của Gefco – Sotrans Logistics, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là dịch vụ vận tải đường bộ. Gefco – Sotrans Logistics có trụ sở đăng ký tại số 55-57 Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Công ty Cổ phần MHC (“MHC”)*

Công ty sở hữu 23% vốn chủ sở hữu của MHC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100793715 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của MHC là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa. MHC có trụ sở đăng ký tại tầng 7, tòa nhà Hải An, Km2, đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

*Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (“VICT”)*

Công ty nắm giữ 37% quyền biểu quyết gián tiếp tại VICT, một doanh nghiệp liên doanh mà Sowatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư (“GPĐT”) số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VICT là xây dựng và kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container. VICT có trụ sở đăng ký tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

***Công ty liên doanh và liên kết*** (tiếp theo)

*Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (“SOWATCO-ECO 747”)*

Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCO-ECO 747, một công ty cổ phần mà Sovatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 2900751997 do SKHĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCO-ECO 747 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. SOWATCO-ECO 747 có trụ sở đăng ký tại số 161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

*Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (“SOWATCOSER”)*

Công ty nắm giữ 26,27% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCOSER, một công ty cổ phần mà Sovatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303215396 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCOSER là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. SOWATCOSER có trụ sở đăng ký tại số 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.180 (31 tháng 12 năm 2016: 1.239 ).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm hàng hóa với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Nhóm Công ty không khấu hao lợi thế thương mại phát sinh từ khoản đầu tư vào công ty liên kết mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư vào công ty liên doanh được đồng kiểm soát*

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của liên doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên doanh được đồng kiểm soát (tiếp theo)*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của liên doanh được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của liên doanh được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức nhận được/ lợi nhuận được chia từ liên doanh được trừ với khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động. Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

##### *Quỹ dự trữ bổ sung vốn lưu động*

Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ hoạt động của Nhóm Công ty. Quỹ này đang được ghi nhận trên tài khoản vốn khác của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ, giá trị được trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 *Thông tin bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

#### 3.19 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Nhóm Công ty.

### 4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

#### 4.1 *Mua thêm cổ phần của Sotrans Hà Tĩnh*

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2017, Nhóm Công ty đã mua thêm 1.408.000 cổ phiếu của Sotrans Hà Tĩnh từ các cổ đông không kiểm soát, tương đương với 49% tỷ lệ sở hữu trong Công ty con này với tổng giá mua là 35.200.000.000 VND, làm tăng tỷ lệ sở hữu từ 51% lên 100%.

Việc mua thêm quyền sở hữu trong Sotrans Hà Tĩnh chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các hoạt động kinh doanh của công ty con này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của Sotrans Hà Tĩnh vào ngày mua là 15.111.804.924 VND được ghi nhận giảm tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (*Thuyết minh số 22.1*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)**

**4.2 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Giá trị phân bổ trong kỳ và giá trị phân bổ lũy kế vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được trình bày như sau:

	VND		
	Sowatco	VTX	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>77.569.081.610</u>	<u>24.936.602.386</u>	<u>102.505.683.996</u>
<b>Phân bổ lũy kế</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.817.681.121	1.246.830.119	7.064.511.240
Phân bổ trong kỳ	<u>3.878.454.080</u>	<u>1.246.830.119</u>	<u>5.125.284.199</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>9.696.135.201</u>	<u>2.493.660.238</u>	<u>12.189.795.439</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>71.751.400.489</u>	<u>23.689.772.267</u>	<u>95.441.172.756</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>67.872.946.409</u>	<u>22.442.942.148</u>	<u>90.315.888.557</u>

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	5.279.515.148	8.479.191.788
Tiền gửi ngân hàng	126.681.900.982	107.419.285.943
Các khoản tương đương tiền	<u>111.728.000.000</u>	<u>63.346.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>243.689.416.130</b></u>	<u><b>179.244.477.731</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

### 6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016			VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
	Ủy thác đầu tư (i)	110.380.865.697	88.877.308.016	(21.622.691.984)	30.000.000.000	22.345.124.581	(7.654.875.419)
Chứng chỉ quỹ (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	5.619.390	(122.253.168)	127.872.558	8.132.500	(119.740.058)	
<i>Trong đó:</i>							
<i>Công ty Cổ phần Simco Sông Đà</i>	126.752.447	5.222.340	(121.530.107)	126.752.447	7.736.800	(119.015.647)	
<i>Chứng khoán khác</i>	1.120.111	397.050	(723.061)	1.120.111	395.700	(724.411)	
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	1.538.025.000	(924.375.000)	2.462.400.000	1.436.775.000	(1.025.625.000)	
<i>Trong đó:</i>							
<i>Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa</i>	1.537.500.000	613.125.000	(924.375.000)	1.537.500.000	511.875.000	(1.025.625.000)	
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú</i>	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-	
<i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i>	368.900.000	368.900.000	-	368.900.000	368.900.000	-	
<i>Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú</i>	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>162.971.138.255</b>	<b>140.420.952.406</b>	<b>(22.550.185.849)</b>	<b>32.590.272.558</b>	<b>23.790.032.081</b>	<b>(8.800.240.477)</b>	

(i) Đây là khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán và các giấy tờ có giá tại Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản ủy thác đầu tư này bao gồm khoản đầu tư vào 1.710.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba với giá trị hợp lý là 13.680.000.000 VND; 7.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần DAP – Vinachem với giá trị hợp lý là 53.200.000.000 VND; 1.190.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Cao Su Vàng với giá trị hợp lý 19.516.000.000 VND và tiền gửi tại ngân hàng với số tiền là 2.481.308.016 VND.

(ii) Đây là khoản chứng chỉ quỹ phát hành bởi Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam, được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ủy thác đầu tư	415.500.000.000	135.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (i)	415.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	-	135.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	77.012.870.000	73.974.870.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>492.512.870.000</b>	<b>208.974.870.000</b>

(i) Đây là các khoản ủy thác cho các công ty quản lý quỹ đầu tư với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán và các giấy tờ có giá tại Việt Nam.

(ii) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 6,0% đến 6,8% một năm. Trong đó, Nhóm Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 20.3*).

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải thu từ khách hàng</b>	<b>242.306.751.262</b>	<b>261.207.352.311</b>
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Cosco Logistics Kumning	24.865.156.645	24.916.696.805
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	12.102.378.080	12.389.069.400
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	11.841.903.642	15.092.785.375
Khách hàng khác	193.497.312.895	208.808.800.731
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>17.660.314.961</b>	<b>20.449.280.318</b>
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	8.773.817.614
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Phước Thịnh	2.217.600.000	1.267.200.000
Công ty TNHH MTV Thương mại M.H.P	-	3.793.888.000
Người bán khác	6.668.897.347	6.614.374.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>87.369.025.615</b>	<b>69.417.407.932</b>
<i>Trong đó:</i>		
Tạm ứng cho nhân viên	22.705.079.632	23.168.892.948
Phí vận chuyển trả hộ	20.446.752.952	16.963.735.329
Phải thu lãi hoạt động ủy thác đầu tư	16.198.194.444	5.974.236.111
Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của thuyền viên từ các đại lý	15.073.665.122	16.134.815.723
Ký quỹ ngắn hạn	2.901.968.046	2.607.235.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.204.861.111	1.602.514.420
Phải thu khác	6.838.504.308	2.965.978.401
<b>Tài sản thiếu chờ xử lý – Hàng tồn kho</b>	<b>272.932.976</b>	<b>272.932.976</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(42.084.274.133)	(42.807.293.959)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>305.524.750.681</b>	<b>308.539.679.578</b>

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	42.807.293.959	7.086.472.884
Tăng do mua các công ty con	-	32.892.621.632
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.640.358.680	3.581.997.665
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.363.378.506)	(52.104.317)
Số cuối kỳ	42.084.274.133	43.508.987.864

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nguyên vật liệu	18.528.970.503	10.439.600.016
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.739.510.571	4.174.890.571
Hàng hóa	2.672.568.486	13.295.755.671
Công cụ, dụng cụ	106.059.718	440.914.291
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(759.272.587)	(759.272.587)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>37.287.836.691</b>	<b>27.591.887.962</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	759.272.587	282.257.003
Tăng do mua các công ty con	-	501.170.847
Số cuối kỳ	<u>759.272.587</u>	<u>783.427.850</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.074.841.788</b>	<b>3.873.901.025</b>
<i>Trong đó</i>		
Công cụ, dụng cụ	2.474.759.054	1.248.983.880
Phí bảo trì	113.713.596	750.811.759
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.486.369.138	1.874.105.386
<b>Dài hạn</b>	<b>16.372.099.381</b>	<b>18.793.550.483</b>
<i>Trong đó</i>		
Thuê đất	5.266.572.863	9.551.649.725
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	4.649.552.075	5.865.126.668
Phí bảo trì	3.596.079.485	2.047.802.944
Công cụ, dụng cụ	961.045.049	323.446.619
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.898.849.909	1.005.524.527
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.446.941.169</u></b>	<b><u>22.667.451.508</u></b>

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	1.528.500.000	2.139.900.000
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.558.707.370	1.574.807.370
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.087.207.370</u></b>	<b><u>3.714.707.370</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	329.812.592.964	59.761.147.469	680.501.975.091	4.388.162.601	1.074.463.878.125
Mua trong kỳ	2.433.593.314		1.115.659.092	47.520.000	3.596.772.406
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	117.248.667.840	-	-	-	117.248.667.840
Thanh lý	<u>(272.727.272)</u>	<u>(1.656.428.571)</u>	<u>(3.276.520.476)</u>	-	<u>(5.205.676.319)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>449.222.126.846</u>	<u>58.104.718.898</u>	<u>678.341.113.707</u>	<u>4.435.682.601</u>	<u>1.190.103.642.052</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	45.633.387.912	34.751.068.503	205.269.832.300	2.996.692.921	288.650.981.636
<i>Hư hại</i>	3.830.000.000	-	-	-	3.830.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	135.306.813.299	50.085.244.401	456.445.673.982	3.805.560.435	645.643.292.117
Khấu hao trong kỳ	8.043.121.315	1.960.691.992	35.883.886.913	141.598.845	46.029.299.065
Thanh lý	<u>(130.984.851)</u>	<u>(1.555.509.207)</u>	<u>(3.256.850.309)</u>	-	<u>(4.943.344.367)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>143.218.949.763</u>	<u>50.490.427.186</u>	<u>489.072.710.586</u>	<u>3.947.159.280</u>	<u>686.729.246.815</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>194.505.779.665</u>	<u>9.675.903.068</u>	<u>224.056.301.109</u>	<u>582.602.166</u>	<u>428.820.586.008</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>306.003.177.083</u>	<u>7.614.291.712</u>	<u>189.268.403.121</u>	<u>488.523.321</u>	<u>503.374.395.237</u>
<i>Trong đó: thế chấp để đảm bảo cho</i>					
<i>Các khoản vay ngắn hạn</i>					
<i>(Thuyết minh số 20.1)</i>	-	-	16.181.258.940	-	16.181.258.940
<i>Các khoản vay dài hạn</i>					
<i>(Thuyết minh số 20.3)</i>	-	-	15.011.450.802	-	15.011.450.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Lợi thế quyền thuê đất</i>	<i>Trang web</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	81.165.924.700	3.365.747.086	38.090.832.844	161.863.029	122.784.367.659
Tăng khác	10.487.400	-	-	-	10.487.400
Mua trong kỳ	-	99.515.000	-	-	99.515.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>81.176.412.100</u>	<u>3.465.262.086</u>	<u>38.090.832.844</u>	<u>161.863.029</u>	<u>122.894.370.059</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	1.016.430.750	1.178.293.779	161.863.029	2.356.587.558
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	2.560.466.085	13.553.132.643	161.863.029	16.275.461.757
Hao mòn trong kỳ	-	132.737.544	9.041.318.145	-	9.174.055.689
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	<u>2.693.203.629</u>	<u>22.594.450.788</u>	<u>161.863.029</u>	<u>25.449.517.446</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>81.165.924.700</u>	<u>805.281.001</u>	<u>24.537.700.201</u>	-	<u>106.508.905.902</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>81.176.412.100</u>	<u>772.058.457</u>	<u>15.496.382.056</u>	-	<u>97.444.852.613</u>
<i>Trong đó: thế chấp để đảm bảo cho</i>					
<i>Các khoản vay ngắn hạn</i>					
<i>(Thuyết minh số 20.1)</i>	7.552.136.460	-	-	-	7.552.136.460



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Sà lan	25.099.183.486	14.571.109.942
Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	18.492.529.552	-
Dự án Trung tâm Logistis Sotran Phú Mỹ	-	97.113.939.047
Chi phí khác	898.581.483	510.119.182
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>44.490.294.521</u></b>	<b><u>112.195.168.171</u></b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**14.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết**

Công ty liên doanh và liên kết	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Tỷ lệ sở hữu	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	%	VND	%	VND
VICT	37.00	291.374.828.435	37.00	313.933.474.721
MHC	23.00	95.036.198.268	23.00	94.569.097.450
The Pier	50.00	9.979.945.683	50.00	9.986.041.994
SORECO	50.00	9.954.025.476	50.00	9.959.525.726
SOWATCOSER	26.27	3.169.477.319	26.27	3.204.879.449
Gefco – Sotrans Logistics	24.50	966.781.222	24.50	590.831.632
SOWATCO-ECO 747	49.00	-	49.00	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>410.481.256.403</u></b>		<b><u>432.243.850.972</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết** (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

								VND
	<i>Gefco – Sotrans Logistics</i>	<i>MHC</i>	<i>SORECO</i>	<i>The Pier</i>	<i>SOWATCO -ECO 747 SOWATCOSER</i>	<i>VICT</i>	<i>Tổng cộng</i>	
<b>Giá trị đầu tư</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Ngày 30 tháng 6 năm 2017	4.162.060.000	94.533.700.078	10.000.000.000	10.000.000.000	3.561.349.400	3.039.240.000	155.730.813.876	281.027.163.354
<b>Phần lũy kế lãi (lỗ) sau khi đầu tư</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(3.571.228.368)	35.397.372	(40.474.274)	(13.958.006)	(3.561.349.400)	165.639.449	158.202.660.845	151.216.687.618
Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết Cổ tức được chia trong năm	375.949.590	467.100.818	(5.500.250)	(6.096.311)	-	(35.402.130)	10.179.337.317	10.975.389.034
	-	-	-	-	-	-	(32.737.983.603)	(32.737.983.603)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(3.195.278.778)	502.498.190	(45.974.524)	(20.054.317)	(3.561.349.400)	130.237.319	135.644.014.559	129.454.093.049
<b>Giá trị còn lại</b>								
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	590.831.632	94.569.097.450	9.959.525.726	9.986.041.994	-	3.204.879.449	313.933.474.721	432.243.850.972
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	966.781.222	95.036.198.268	9.954.025.476	9.979.945.683	-	3.169.477.319	291.374.828.435	410.481.256.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietransimex	816.000.000	816.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	440.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.639	373.124.639
Công ty TNHH Keppel Land Watco	-	320.184.141.975
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.629.124.639</u></b>	<b><u>321.813.266.614</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty TNHH Unitex Logistics	11.021.803.331	2.013.824.221
Công ty Cổ phần SCI	4.377.093.926	19.197.109.863
Phải trả người bán khác	94.865.797.128	86.482.222.894
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>110.264.694.385</u></b>	<b><u>107.693.156.978</u></b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ban quản lý dự án Quận 11	1.973.033.100	-
Ông Lê Bá Trung	1.460.827.750	-
Bà Ngô Thị Hiền	-	5.611.476.950
Công ty Cổ phần 30/4 Quảng Ngãi	731.801.791	1.248.432.906
Người mua khác trả tiền trước	7.142.404.721	3.065.214.783
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.308.067.362</u></b>	<b><u>9.925.124.639</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.440.077.567	50.730.873.713	(50.269.369.505)	3.901.581.775
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.852.570.049	113.450.401.392	(118.643.242.281)	6.659.729.160
Thuế thu nhập cá nhân	933.096.473	7.808.941.339	(7.759.440.551)	982.597.261
Thuế khác	5.738.946	1.027.537.688	(514.254.669)	519.021.965
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.231.483.035</b>	<b>173.017.754.132</b>	<b>(177.186.307.006)</b>	<b>12.062.930.161</b>

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	632.274.057	-	632.274.057
Thuế thu nhập cá nhân	-	916.320	-	916.320
Thuế khác	-	1.481.254	-	1.481.254
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>634.671.631</b>	<b>-</b>	<b>634.671.631</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí xây dựng	4.655.000.265	-
Chi phí lãi vay	4.108.180.552	3.950.633.838
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.975.529.080	1.370.114.114
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.738.709.897</b>	<b>5.320.747.952</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>		
<i>Trong đó:</i>		
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Phải trả cho thuyền viên	25.302.560.151	24.816.406.061
Kinh phí bồi thường di dời (iii)	23.126.256.380	-
Ký cược, ký quỹ	11.571.430.922	9.451.488.497
Doanh thu chưa thực hiện	9.041.876.005	5.093.817.573
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.794.361.565	26.554.912.172
	<u>183.776.485.023</u>	<u>145.856.624.303</u>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	10.578.800.000	7.177.600.000
Phải trả khác	1.840.001.000	1.393.989.000
	<u>12.418.801.000</u>	<u>8.571.589.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>196.195.286.023</u></b>	<b><u>154.428.213.303</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	40.816.000.000	40.816.000.000
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C</i>	39.940.000.000	39.940.000.000
<i>Phải trả các bên khác</i>	115.439.286.023	73.672.213.303
(i) Đây là các khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.		
(ii) Đây là các khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS và số 02/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier và SORECO.		
(iii) Theo Quyết định số 4352/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ ngày 6 tháng 12 năm 2006, Nhóm Công ty có nghĩa vụ di dời nhà máy đóng tàu của Công ty Đóng tàu Cần Thơ tại Lô 77B Đường Trần Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ để phục vụ cho Dự án Mở rộng Trụ sở Công An Thành phố Cần Thơ. Theo đó, Nhóm Công ty đã nhận được khoản bồi thường, hỗ trợ thiệt hại từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ với số tiền là 23.126.256.380 VND.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
		VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>20.321.670.053</b>	<b>16.828.577.495</b>
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	19.212.270.498	15.772.006.106
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	1.109.399.555	1.056.571.389
<b>Vay dài hạn</b>	<b>404.452.937.876</b>	<b>651.639.155.835</b>
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 20.2)	347.893.100.892	596.052.222.222
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 20.3)	56.559.836.984	55.586.933.613
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>424.774.607.929</b>	<b>668.467.733.330</b>

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng Cộng
			VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	16.828.577.495	651.639.155.835	668.467.733.330
Tiền thu từ đi vay	72.442.576.081	-	72.442.576.081
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	579.695.526	(579.695.526)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	1.840.878.670	1.840.878.670
Chênh lệch tỉ giá hối đoái		1.552.598.897	1.552.598.897
Tiền chi trả nợ gốc vay	(69.529.179.049)	(250.000.000.000)	(319.529.179.049)
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	<b>20.321.670.053</b>	<b>404.452.937.876</b>	<b>424.774.607.929</b>

**20.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng**

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	18.039.015.724	Ngày 31 tháng 10 năm 2017	từ 5,4 đến 5,5	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình và phương tiện vận tải
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Đà Nẵng	1.173.254.774	Ngày 30 tháng 11 năm 2017	5,6	Máy móc thiết bị
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.212.270.498</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.2 Trái phiếu thường trong nước**

Chi tiết trái phiếu vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Kỳ hạn</i>
		<b>VND</b>	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	150.000.000.000	6 năm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (ii)	Ngày 19 tháng 4 năm 2016	130.000.000.000	3 năm
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	Ngày 22 tháng 6 năm 2016	70.000.000.000	3 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(2.106.899.108)</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>347.893.100.892</u></b>	

(i) Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VND từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VND từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là các tài sản thuộc sở hữu của Nhóm Công ty bao gồm 36.905.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam, một công ty con của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.2 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)**

- (ii) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2016, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 130 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank"), Vietinbank, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") cộng với biên độ 3.5%/năm.

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu đã được sử dụng cho mục đích bổ sung và tái cơ cấu vốn của Nhóm Công ty cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 7.316.180 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, trong đó 7.217.806 cổ phiếu do Nhóm Công ty sở hữu và 98.374 cổ phiếu do Công ty Cổ phần SCI sở hữu; và 3.279.317 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

- (iii) Vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 70 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("Vietinbank") đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank"), Vietinbank, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") cộng với biên độ 3,5%/năm.

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu đã được sử dụng cho mục đích bổ sung và tái cơ cấu vốn của Nhóm Công ty cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức và 5.000.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Nhóm Công ty sở hữu.

**20.3 Vay dài hạn từ ngân hàng**

Nhóm Công ty có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động và các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY** (tiếp theo)

**20.3 Vay dài hạn từ ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Hội sở II - USD				
<i>(i) Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR")</i>	50.842.858.849	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	0.68	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 15.011.450.802 VND <i>(Thuyết minh số 11)</i>
<i>(ii) Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF")</i>	6.826.377.690	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1.00	và khoản tiền gửi có kỳ hạn 50.000.000.000 VND <i>(Thuyết minh số 6.2)</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>57.669.236.539</u></b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	56.559.836.984			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.109.399.555			

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính Việt Nam ("BTC") và Nhóm Công ty, BTC sẽ cho Nhóm Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều khoản được ADB chấp thuận. Chi tiết như sau:

- (i) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.*
- (ii) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án củng cố và tái cấu trúc hoạt động của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 11 năm 2041.*

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	137.803.490.000	-	7.276.861.099	8.378.540.122	12.400.649.915	165.859.541.136
Phát hành cổ phiếu	137.803.490.000	(1.703.034.900)	-	-	-	136.100.455.100
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	37.957.582.375	37.957.582.375
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(11.024.279.200)	(11.024.279.200)
Trích lập các quỹ	-	-	27.409.702	-	(2.564.996.355)	(2.537.586.653)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.784.705)	(3.784.705)
Giao dịch mua bán cổ phần với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(7.582.731.349)	(7.582.731.349)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>275.606.980.000</u>	<u>(1.703.034.900)</u>	<u>7.304.270.801</u>	<u>8.378.540.122</u>	<u>29.182.440.681</u>	<u>318.769.196.704</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	854.378.790.000	(2.033.034.900)	-	-	35.210.928.078	887.556.683.178
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	349.616.117.814	349.616.117.814
Trích lập các quỹ	-	-	2.019.535.131	-	(8.542.794.650)	(6.523.259.519)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(909.979.209)	(909.979.209)
Giao dịch mua bán cổ phần với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(15.111.804.924)	(15.111.804.924)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>854.378.790.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>2.019.535.131</u>	<u>-</u>	<u>360.262.467.109</u>	<u>1.214.627.757.340</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.2 Cổ phiếu**

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	85.437.879	27.560.698
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	85.437.879	27.560.698
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016: 10.000 VND).		

**22.3 Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND)	349.616.117.814	37.957.582.375
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(2.786.003.704)	(2.786.003.704)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	346.830.114.110	35.171.578.671
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ (ii)	85.437.879	25.849.227
Lãi trên mỗi cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản	4.059	1.361
- Lãi suy giảm	4.059	1.361

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được ước tính điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ này.

(ii) Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được điều chỉnh cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và tăng vốn từ vốn khác của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2016.

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**22.4 Cổ tức**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Cổ tức đã công bố trong kỳ	-	11.024.279.200
Cổ tức đã trả trong kỳ	171.982.963	6.424.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	347.213.391.945	13.500.272.519
Tăng do mua các công ty con	-	624.175.934.306
Lợi nhuận trong kỳ	117.292.115.537	17.446.245.885
Giảm do phân loại sang khoản đầu tư vào công ty liên doanh đồng kiểm soát	-	(2.904.638.653)
Cổ tức đã trả	(95.371.156.500)	(16.651.277.664)
Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại công ty con	(20.088.195.076)	(73.553.991.451)
Các khoản khác	(717.936.261)	89.907.738
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>348.328.219.645</u></b>	<b><u>562.102.452.680</u></b>

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>705.900.089.712</b>	<b>473.628.074.035</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	635.737.880.633	413.328.633.460
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	70.162.209.079	60.299.440.575
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(84.651.533)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>705.815.438.179</u></b>	<b><u>473.628.074.035</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	635.737.880.633	413.328.633.460
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	70.077.557.546	60.299.440.575
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	29.858.802.731	17.397.466.158
<i>Doanh thu đối với khách hàng khác</i>	675.956.635.448	456.230.607.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU (tiếp theo)**

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	525.695.858.025	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.144.005.837	23.197.390.318
Thu nhập từ ủy thác đầu tư	17.420.416.645	-
Lãi tiền gửi	7.678.131.719	5.052.398.287
Khác	195.163.919	135.038.995
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>594.133.576.145</u></b>	<b><u>28.384.827.600</u></b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	490.726.155.997	321.670.308.494
Giá vốn của hàng hóa đã bán	73.673.824.130	55.730.147.282
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>564.399.980.127</u></b>	<b><u>377.400.455.776</u></b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền vay	30.885.679.184	24.544.687.782
Dự phòng (hoàn nhập) đầu tư	13.869.079.675	(9.132.688.624)
Lỗ từ các khoản ủy thác đầu tư	1.974.236.111	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.840.878.670	895.555.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.764.830.556	200.766.221
Khác	731.316.362	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>51.066.020.558</u></b>	<b><u>16.508.320.933</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>37.832.489.688</b>	<b>32.672.417.844</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí nhân viên	20.022.825.466	17.534.415.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.247.975.929	6.384.619.098
Chi phí hoa hồng	7.317.212.624	7.021.638.430
Chi phí bán hàng khác	2.244.475.669	1.731.745.196
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>49.116.032.498</b>	<b>28.055.704.899</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí nhân viên	28.442.848.262	13.373.680.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.440.380.612	8.561.541.904
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại ( <i>Thuyết minh số 4.2</i> )	5.125.284.199	2.397.016.164
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(723.019.826)	3.529.893.348
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.830.539.251	193.572.988

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.139.565.051	307.401.633.653
Chi phí nhân viên	85.560.696.467	43.641.860.498
Giá vốn hàng hóa đã bán	73.673.824.130	55.730.147.282
Chi phí khấu hao và hao mòn ( <i>Thuyết minh số 4.2, 11 và 12</i> )	60.328.638.953	7.355.667.613
Chi phí nguyên vật liệu	19.650.372.725	8.041.030.698
Chi phí khác	24.995.404.987	15.958.238.775
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>651.348.502.313</u></b>	<b><u>438.128.578.519</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CHI PHÍ KHÁC VÀ THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.013.127.589</b>	<b>13.518.261.595</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.227.668.097	290.909.091
Thu nhập từ nhận hỗ trợ di dời	-	9.686.962.000
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	3.289.683.259
Thu nhập khác	785.459.492	250.707.245
<b>Chi phí khác</b>	<b>289.672.398</b>	<b>304.543.609</b>
Chi phí nộp phạt	256.657.998	-
Chi phí khác	33.014.400	304.543.609
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>3.723.455.191</b>	<b>13.213.717.986</b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Trong kỳ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới tại địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng của Sotrans Ha Tinh, một công ty con của Công ty, được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm năm (15) tính liên tục từ năm đầu tiên Bảo Tín có doanh thu từ dự án và được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm 2015 và giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.1 Chi phí TNDN**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	113.370.528.720	8.811.517.995
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	79.872.672	373.673.879
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(863.282.668)	(2.285.655.532)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>112.587.118.724</u></b>	<b><u>6.899.536.342</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>579.495.352.075</u></b>	<b><u>62.303.364.602</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	115.899.070.415	12.460.672.920
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗi (lợi nhuận) từ công ty liên kết	4.352.518.914	(342.728.887)
Chi phí không được trừ	1.059.229.457	-
Phân bổ lợi thế thương mại	1.025.056.840	479.403.233
Cổ tức nhận được	(8.663.148.261)	(4.657.332.396)
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	(657.936.652)
Thuế miễn giảm	(989.624.287)	(695.886.056)
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(200.000.000)	-
Lỗi chuyển sang năm sau	24.142.974	-
Điều chỉnh khác	-	(60.329.699)
Chi phí thuế TNDN kỳ này	112.507.246.052	6.525.862.463
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong kỳ trước	79.872.672	373.673.879
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>112.587.118.724</u></b>	<b><u>6.899.536.342</u></b>

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>6 năm 2017</i>	<i>12 năm 2016</i>	<i>sáu tháng kết</i>	<i>sáu tháng kết</i>
			<i>thúc ngày</i>	<i>thúc ngày</i>
			<i>30 tháng 6</i>	<i>30 tháng 6</i>
			<i>năm 2017</i>	<i>năm 2016</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	7.801.996.777	7.416.095.612	385.901.165	1.937.392.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.691.584.729	-	2.691.584.729	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.037.041.600	1.146.637.690	(109.596.090)	348.263.132
Chi phí phải trả	168.224.880	842.025.593	(673.800.713)	-
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản	(15.101.561.068)	(16.910.393.534)	1.808.832.466	-
Phải thu lãi hoạt động đầu tư ủy thác	(3.239.638.888)	-	(3.239.638.888)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(712.269.880)	(712.269.880)	-	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(71.041.653)	(71.041.653)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(7.425.663.504)</b>	<b>(8.288.946.172)</b>	<b>863.282.668</b>	<b>2.285.655.532</b>
<i>Trong đó</i>				
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>8.309.008.782</i>	<i>8.637.480.955</i>		
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<i>(15.734.672.286)</i>	<i>(16.926.427.127)</i>		

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ mua bán với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với công ty có liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ di dời	-	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ di dời Thu nhập từ nhận hỗ trợ di dời	- -	40.000.000.000 20.000.000.000
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức	27.576.781.656 32.737.983.603	17.397.466.158 9.337.214.180
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	185.387.875	-
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	104.080.000	-
Công ty TNHH MTV Cadivi miền Bắc	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	972.053.200	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	1.020.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325
VICT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	4.738.755.518	8.150.809.761
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	526.685.939	478.057.289
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	79.222.000	-
Công ty TNHH MTV Cadivi miền Bắc	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	33.321.860	-
			<b><u>11.841.903.642</u></b>	<b><u>15.092.785.375</u></b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Liên doanh BNX - Vietranstimex	Bên liên quan	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000
			<b><u>40.816.000.000</u></b>	<b><u>40.816.000.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương, thù lao và thưởng	<u>3.473.546.494</u>	<u>2.721.387.419</u>

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	22.947.178.425	13.616.066.402
Từ 1 đến 5 năm	34.636.367.672	14.077.047.672
Trên 5 năm	<u>48.734.400.000</u>	<u>50.608.800.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>106.317.946.097</u></b>	<b><u>78.301.914.074</u></b>

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	48.958.120.114	8.161.254.545
Trên 1 – 5 năm	<u>7.830.000.000</u>	<u>576.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>56.788.120.114</u></b>	<b><u>8.737.254.545</u></b>

**33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	57.125	1.341.181
- Đồng Euro (EUR)	5.458	2.191
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	624.958.040	624.958.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND					
	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Cơ khí đóng tàu</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>Xuất khẩu lao động</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
<b>Doanh thu bộ phận</b>						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	625.085.693.805	68.136.002.569	4.990.189.628	2.735.929.150	4.867.623.027	705.815.438.179
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	31.398.075.012	3.217.993.496	-	-	-	-
	<b>656.483.768.817</b>	<b>71.353.996.065</b>	<b>4.990.189.628</b>	<b>2.735.929.150</b>	<b>4.867.623.027</b>	<b>740.431.506.687</b>
<i>Đối chiếu:</i>						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận						(34.616.068.508)
Doanh thu trong kỳ						705.815.438.179
<b>Lợi nhuận (lỗ) bộ phận</b>	<b>58.850.960.222</b>	<b>(3.239.075.620)</b>	<b>(2.521.912.334)</b>	<b>1.127.612.488</b>	<b>130.216.807</b>	<b>54.347.801.563</b>
<i>Đối chiếu:</i>						
Lãi thanh lý khoản đầu tư						525.695.858.025
Cổ tức, lợi nhuận được chia						43.144.005.837
Thu nhập từ ủy thác đầu tư						17.420.416.645
Lãi tiền gửi						7.678.131.719
Chi phí lãi vay						(30.885.679.184)
Phần lỗ trong công ty liên doanh và liên kết						(21.762.594.569)
Dự phòng giảm giá đầu tư						(13.869.079.675)
Doanh thu không phân bổ						3.208.291.508
Chi phí không phân bổ						(5.481.799.794)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						579.495.352.075
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>						
Khấu hao và hao mòn	59.416.031.856	45.615.614	733.833.186	121.860.144	11.298.153	60.328.638.953
Dự phòng phải thu khó đòi	(723.019.826)	-	-	-	-	(723.019.826)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND					
	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Cơ khí đóng tàu</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>Xuất khẩu lao động</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>826.448.939.802</b>	<b>10.936.495.448</b>	<b>32.431.495.874</b>	<b>7.609.789.210</b>	<b>16.736.669.150</b>	<b>894.163.389.484</b>
<i>Đối chiếu:</i>						
Phải thu bộ phận						(17.888.590.020)
Tài sản không phân bổ						1.532.236.496.406
Tổng tài sản						<u>2.408.511.295.870</u>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>484.626.346.048</b>	<b>8.584.621.735</b>	<b>26.600.736.313</b>	<b>3.118.592.309</b>	<b>49.466.579.658</b>	<b>572.396.876.063</b>
<i>Đối chiếu:</i>						
Phải trả bộ phận						(17.888.590.020)
Nợ phải trả không phân bổ						291.047.032.842
Tổng nợ phải trả						<u>845.555.318.885</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND					
	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Cơ khí đóng tàu</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>Xuất khẩu lao động</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>						
<b>Doanh thu bộ phận</b>						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	403.431.885.865	56.912.817.788	5.130.038.390	5.329.808.400	2.823.523.592	473.628.074.035
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	-	278.317.753	-	-	-	278.317.753
	<b>403.431.885.865</b>	<b>57.191.135.541</b>	<b>5.130.038.390</b>	<b>5.329.808.400</b>	<b>2.823.523.592</b>	<b>473.906.391.788</b>
<i>Đối chiếu:</i>						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận						(278.317.753)
Doanh thu trong kỳ						<u>473.628.074.035</u>
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>32.240.961.723</b>	<b>926.764.218</b>	<b>651.973.736</b>	<b>1.078.939.354</b>	<b>600.856.485</b>	<b>35.499.495.516</b>
<i>Đối chiếu:</i>						
Cổ tức, lợi nhuận được chia						23.197.390.318
Thu nhập từ nhận hỗ trợ di dời						9.686.962.000
Hoàn nhập dự phòng đầu tư						9.132.688.624
Lãi tiền gửi						5.052.398.287
Lãi trong công ty liên doanh và liên kết						1.713.644.433
Chi phí lãi vay						(24.544.687.782)
Doanh thu không phân bổ						3.966.338.590
Chi phí không phân bổ						(1.400.865.384)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						<u>62.303.364.602</u>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>						
Khấu hao và hao mòn	10.107.798.137	109.864.048	358.776.999	63.262.611	5.649.077	10.645.350.872
Dự phòng phải thu khó đòi	3.529.893.348	-	-	-	-	3.529.893.348



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND					
	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Cơ khí đóng tàu</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>Xuất khẩu lao động</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>						
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>976.957.684.029</b>	<b>28.841.152.174</b>	<b>26.342.462.742</b>	<b>18.750.238.242</b>	<b>29.438.009.220</b>	<b>1.080.329.546.407</b>
<i>Đối chiếu:</i>						
Phải thu bộ phận						(52.598.619.425)
Tài sản không phân bổ						<u>1.261.849.772.976</u>
Tổng tài sản						<u>2.289.580.699.958</u>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>758.518.983.908</b>	<b>1.071.188.459</b>	<b>2.984.508.433</b>	<b>1.917.597.456</b>	<b>943.905.307</b>	<b>765.436.183.563</b>
<i>Đối chiếu:</i>						
Phải trả bộ phận						(52.598.619.425)
Nợ phải trả không phân bổ						<u>341.973.060.697</u>
Tổng nợ phải trả						<u>1.054.810.624.835</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỶ KẾ TOÁN**

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2017, 5 nhà kho của Nhóm Công ty tại số 1/7 Bis Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đã bị hư hỏng do hỏa hoạn.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên có liên quan để xác định tổng thiệt hại và hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận được tiền bồi thường, do đó, tổng thiệt hại và các khoản bồi thường là chưa xác định được.

**36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Thị Thu Trang  
Người lập



Phạm Tường Minh  
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2017